

NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH TẠI CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Văn Chiến

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia
Thành phố Hồ Chí Minh
Email: chiennv49@gmail.com

Article history

Received: 15/10/2022

Accepted: 08/11/2022

Published: 20/12/2022

Keywords

Management, experiential learning activities, student, elementary education

ABSTRACT

Experiential activities contribute to the formation and development of qualities, competencies, values and life skills for primary school students, so the management of these activities holds a vital role in education. This article explores the current situation of managing experiential activities for primary school students at 10 primary schools in District 7, Ho Chi Minh City with 33 managers in the direction of the management function approach (including setting up, planning, organizing, directing, controlling). The research results show that the management of experiential activities for primary school students in the district was initially effective and achieved the set goals. In addition, the study also pointed out limitations that should be considered by managers when conducting experiential activities. This study serves as a practical basis to help administrators re-evaluate the process of managing experiential activities for students at primary schools in order to adjust, instruct and develop management measures, thereby improving teaching quality to meet the requirements of the 2018 General Education Curriculum.

1. Mở đầu

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đã đưa hoạt động trải nghiệm (HĐTN) vào chương trình giảng dạy và được xem là hoạt động giáo dục bắt buộc, góp phần phân hình thành, phát triển các phẩm chất, năng lực chủ yếu như tinh thần tập thể, làm việc theo nhóm, các giá trị và kỹ năng sống phù hợp theo năng lực chung và các năng lực đặc thù cho HS (Bộ GD-ĐT, 2018). Để thực hiện mục tiêu của chương trình HĐTN cho học sinh tiểu học (HSTH), công tác quản lý HĐTN có vai trò rất quan trọng và mang tính quyết định đến yếu tố thành công của việc thực hiện HĐTN. Quản lý là những tác động có định hướng, có kế hoạch của chủ thể quản lý đến đối tượng bị quản lý trong tổ chức để vận hành tổ chức, nhằm đạt mục đích nhất định (Trần Kiểm, 2021). Nhờ có quản lý HĐTN mà các văn bản chỉ đạo của cấp trên về thực hiện chương trình dạy học HĐTN cho HSTH được cụ thể hóa bằng những công việc giúp GV dễ dàng thực hiện; định hướng kế hoạch HĐTN cho HSTH một cách chi tiết, cụ thể; giúp việc tổ chức thực hiện HĐTN cho HSTH một cách bài bản, có hiệu quả; tạo cơ hội cho các lực lượng trong và ngoài nhà trường cùng thực hiện HĐTN cho HSTH; sử dụng có hiệu quả các điều kiện hỗ trợ HĐTN HSTH tại nhà trường.

Trong bài báo này, tác giả tập trung phân tích thực trạng quản lý HĐTN cho HSTH tại 9 trường tiểu học thuộc địa bàn Quận 7, TP. Hồ Chí Minh bao gồm các chức năng: lập kế hoạch thực hiện HĐTN cho HSTH, tổ chức thực hiện HĐTN cho HSTH, chỉ đạo thực hiện HĐTN cho HSTH và kiểm tra, đánh giá HĐTN cho HSTH; từ đó giúp các nhà quản lý có cơ sở để đề ra một số biện pháp nâng cao chất lượng quản lý HĐTN.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học

HĐTN là các hoạt động thực hiện qua các hoạt động xã hội, văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao, nhân đạo, khoa học, lao động công ích, vui chơi giải trí... nhằm giúp HS có cơ hội sáng tạo, hình thành và phát triển nhân cách bản thân. Đây là hoạt động diễn ra song song với việc học tập trên lớp của HS (Bộ GD-ĐT, 2018).

Theo Đinh Thị Kim Thoa (2014), HĐTN là hoạt động giáo dục cho HS tham gia trực tiếp vào các hoạt động khác nhau của nhà trường cũng như ngoài xã hội với tư cách là chủ thể của hoạt động qua sự hướng dẫn của GV, từ đó phát triển năng lực và phẩm chất nhằm phát huy sáng tạo cho bản thân HS. Trong nghiên cứu này, tác giả nhận thấy HĐTN cho HSTH là hoạt động giáo dục bắt buộc được tổ chức có mục đích, kế hoạch, phương pháp của nhà giáo dục thông qua theo 04 loại hình: sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, hoạt động giáo dục theo chủ đề và hoạt động câu lạc bộ; giúp tập trung hình thành cho HSTH hành vi ứng xử, cảm xúc tích cực, thói quen tự giải quyết, tự làm những

công việc hàng ngày của bản thân trong học tập, lao động và sinh hoạt; tìm hiểu về định hướng nghề nghiệp bản thân; qua đó phát triển năng lực và phẩm chất của HS, đáp ứng yêu cầu xã hội. Lewis và Williams (1994) khẳng định rằng, HS có thể xử lý các tình huống thực tế, thử nghiệm các hành vi mới và nhận phản hồi trong một tình huống của HĐTN. Việc kết hợp HĐTN trong học tập giúp HS cải thiện điểm số, tạo động lực cho HS bằng cách truyền đạt kiến thức có thể áp dụng vào cuộc sống của HS (Briers, 2005; Pugsley & Laura, 2003; Reitmeier, 2000).

Việc quản lý HĐTN cho HSTH là quá trình tác động có mục đích của chủ thể quản lý (hiệu trưởng) đến khách thể quản lý (GV) nhằm đạt được mục tiêu quản lý HĐTN đã đề ra thông qua các chức năng quản lý. Quản lý HĐTN là quá trình lập kế hoạch tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá việc thực hiện HĐTN trong nhà trường, nhằm hướng tới mục tiêu phát triển năng lực và phẩm chất, hoàn thiện nhân cách cho người học (Phạm Thị Hà, 2020). Nghiên cứu của Nguyễn Tiến Hùng (2020) chỉ ra rằng, quản lý HĐTN thành công cần phải thực hiện theo quy trình: Lập kế hoạch; Tổ chức thực hiện; Chỉ đạo thực hiện; Kiểm tra và đánh giá kết quả; Phản hồi thông tin để cải tiến. Như vậy, có thể thấy rằng, thông qua quản lý HĐTN trong nhà trường của đội ngũ CBQL sẽ giúp các văn bản pháp quy của ngành giáo dục về vấn đề này được cụ thể hóa bằng những công việc cụ thể, giúp GV có thể hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy; giúp định hướng cho nhà trường có kế hoạch hành động chi tiết, cụ thể; giúp việc tổ chức thực hiện HĐTN cho HSTH một cách bài bản, có hiệu quả.

2.2. Thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học tại các trường trên địa bàn Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

2.2.1. Tổ chức khảo sát

- *Mẫu khảo sát:* Tác giả đã thực hiện khảo sát 33 CBQL ở 9 trường trên địa bàn Quận 7 gồm: Trường Tiểu học Đặng Thùy Trâm, Trường Tiểu học Phú Mỹ, Trường Tiểu học Kim Đồng, Trường Tiểu học Lê Văn Tám, Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, Trường Tiểu học Tân Thuận Đông, Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định, Trường Tiểu học Phạm Hữu Lầu, Trường Tiểu học Tân Quy.

- *Quá trình thu thập dữ liệu:* Tác giả đã sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu, điều tra bằng phiếu khảo sát và xử lý dữ liệu để tổng hợp và phân tích các kết quả khảo sát, phương pháp phỏng vấn sâu. Tác giả tiến hành khảo sát và phỏng vấn từ tháng 9/2022-10/2022.

- *Phương pháp phân tích dữ liệu:* Tác giả sử dụng phương pháp thống kê toán học bằng phần mềm SPSS để phân tích các chỉ số thông kê như giá trị trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC) và chứng minh các kết quả nghiên cứu. Ngoài ra, đối với dữ liệu thu thập được từ kết quả phỏng vấn các CBQL - những người từng trả lời các phiếu khảo sát từ bảng hỏi, tác giả sử dụng phương pháp phân tích, so sánh và đối chiếu để bổ sung làm sáng tỏ cho các kết quả thu thập được từ kết quả khảo sát.

- *Quy ước thang đo:* Mức độ với giá trị=(giá trị lớn nhất-giá trị nhỏ nhất)/ tổng giá trị=(5-1)/5=0,8 tức là khoảng cách giữa các giá trị là 0,8. Trong nghiên cứu sử dụng thang đo 5 mức độ Likert với cách thức mã hoá số liệu như sau: 1,00-1,80: Không bao giờ/Kém; 1,81-2,60: Hiếm khi/Yếu; 2,60-3,40: Thịnh thoảng; 3,41-4,20: Thường xuyên/Khá; 4,21-5,00: Rất thường xuyên/Tốt.

2.2.2. Kết quả khảo sát

- *Lập kế hoạch HĐTN cho HSTH (bảng 1):*

Bảng 1. Lập kế hoạch quản lý HĐTN cho HSTH

Nội dung	N	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Nhà trường xây dựng được kế hoạch HĐTN cụ thể cho từng năm học	33	4,21	0,48	4,39	0,56
Xác định rõ mục tiêu của HĐTN	33	4,21	0,48	4,45	0,52
Xây dựng các HĐTN phù hợp với mục tiêu	33	4,15	0,51	4,45	0,51
Huy động các lực lượng (GV, Tổng phụ trách Đội, Bí thư Đoàn Thanh niên, Ban đại diện phụ huynh HS...) tham gia xây dựng kế hoạch	33	4,24	0,56	4,42	0,56
Phân bổ nguồn lực cụ thể cho từng hoạt động	33	4,18	0,46	4,33	0,48
Sắp xếp tiến độ thực thi các hoạt động phù hợp	33	4,09	0,46	4,39	0,49
Xác định biện pháp và cách thức thực hiện các hoạt động thiết thực	33	4,15	0,44	4,42	0,51
Các biện pháp quản lý đảm bảo tính khả thi	33	4,18	0,53	4,42	0,56
Xác định các tiêu chí kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các hoạt động theo kế hoạch phù hợp	33	4,12	0,55	4,42	0,56
Hướng dẫn TCM lập kế hoạch HĐTN	33	4,27	0,52	4,39	0,49
Hướng dẫn GV xây dựng kế hoạch HĐTN theo chương trình quy định	33	4,27	0,52	4,42	0,50
Phê duyệt kế hoạch HĐTN của GV	33	4,33	0,54	4,45	0,51
Triển khai các kế hoạch kịp thời	33	4,27	0,57	4,45	0,52
ĐTB chung	33	4,21	0,45	4,42	0,47

Kết quả ở bảng 1 cho thấy, CBQL đánh giá công tác lập kế hoạch HDTN ở các trường thực hiện ở mức độ hoàn toàn thường xuyên và kết quả tốt với lần lượt số điểm (ĐTB=4,21, ĐLC=0,45), (ĐTB=4,42, ĐLC=0,47).

Trong hoạt động lập kế hoạch HDTN cho HSTH, việc phê duyệt kế hoạch HDTN của GV được CBQL đánh giá ĐTB cao nhất với (ĐTB=4,33, ĐLC=0,54) thuộc mức hoàn toàn thường xuyên thực hiện. Điều này cho thấy, CBQL luôn theo sát các HDTN của HS ngay từ khâu lập kế hoạch, CBQL sẽ xem xét, góp ý cho kế hoạch HDTN của tổ chuyên môn hoàn thiện nhất trước khi triển khai.

Tiếp đến điểm số cao thứ hai là kế hoạch HDTN được nhà trường xây dựng cụ thể cho từng năm học, hoạt động này được CBQL thực hiện ở mức hoàn toàn thường xuyên với (ĐTB=4,21, ĐLC=0,48) và kết quả thực hiện ở mức tốt (ĐTB=4,39, ĐLC=0,56). Cho thấy hằng năm vào đầu năm học, căn cứ chỉ đạo của Sở GD-ĐT, Phòng GD-ĐT và thực tế, các trường xây dựng kế hoạch HDTN tại trường cho năm học đó một cách phù hợp. Chia sẻ của một Hiệu trưởng: *“Vào đầu năm học, căn cứ các chỉ đạo chuyên môn cấp trên và thực tiễn nhà trường, Hiệu trưởng xây dựng các kế hoạch giáo dục và đưa ra GV góp ý, thống nhất và thực hiện. Sau đó, các tổ chuyên môn phải xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ khối bám sát theo kế hoạch trường tại Phụ lục 2 của Công văn số 2345/BGD-ĐT ngày 07/6/2021”*.

Các mục tiêu của HDTN hoàn toàn thực hiện thường xuyên được xác định rõ trong các kế hoạch thực hiện HDTN với (ĐTB=4,21, ĐLC=0,48). Kết quả này dễ hiểu khi CBQL là người nắm rõ các mục tiêu của HDTN trong chương trình GDPT 2018 và hiểu rõ mục tiêu chung của nhà trường. Công tác này cũng được CBQL đánh giá thực hiện ở mức tốt với (ĐTB=4,45, ĐLC=0,52). Đồng thời các hoạt động của HDTN được xây dựng phù hợp với mục tiêu ở mức độ thường xuyên (ĐTB=4,15, ĐLC=0,51) và kết quả được đánh giá ở mức tốt với (ĐTB=4,45, ĐLC=0,51). Như vậy, có thể thấy các trường bám sát mục tiêu nhằm đảm bảo các hoạt động của HDTN đi vào đúng trọng tâm và mang tính khả thi.

Trong quá trình xây dựng kế hoạch HDTN cho HSTH, việc huy động các lực lượng tham gia xây dựng kế hoạch được diễn ra hoàn toàn thường xuyên (ĐTB=4,24, ĐLC=0,56) và kết quả thực hiện của hoạt động này ở mức tốt (ĐTB=4,42, ĐLC=0,56), các nguồn lực được phân bổ cụ thể cho từng hoạt động của HDTN ở mức độ thường xuyên (ĐTB=4,18, ĐLC=0,46) và kết quả ở mức tốt (ĐTB=4,33, ĐLC=0,48). Điều này cho thấy, CBQL các trường đã hiểu rõ vai trò của các lực lượng trong việc tham gia thực hiện HDTN nên đã có sự phân công phối hợp trong kế hoạch thực hiện một cách rõ ràng và chi tiết.

Trong kế hoạch HDTN cho HSTH, tiến độ thực thi các hoạt động được sắp xếp phù hợp ở mức độ thường xuyên (ĐTB=4,09, ĐLC=0,46), kết quả thực hiện việc sắp xếp tiến độ thực thi các HDTN được đánh giá ở mức tốt (ĐTB=4,39, ĐLC=0,49). Trong kế hoạch, việc xác định biện pháp và cách thức thực hiện các hoạt động thiết thực cũng được diễn ra ở mức độ thường xuyên (ĐTB=4,15, ĐLC=0,44), kết quả thực hiện được đánh giá mức tốt (ĐTB=4,42, ĐLC=0,51). Kết quả này cho thấy, thực trạng CBQL nắm rõ các công việc và thứ tự ưu tiên của mỗi việc, từ đó sắp xếp thứ tự công việc vào kế hoạch một cách hợp lý và xác định được các biện pháp để triển khai hoạt động một cách cụ thể, thiết thực.

Trong kế hoạch HDTN, các biện pháp quản lý đảm bảo tính khả thi (ĐTB=4,18, ĐLC=0,53) và xác định các tiêu chí kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các hoạt động theo kế hoạch phù hợp (ĐTB=4,12, ĐLC=0,55) được thực hiện một cách thường xuyên, kết quả thực hiện của tiêu chí này cũng được CBQL đánh giá mức tốt (ĐTB=4,42, ĐLC=0,56). Điều này cho thấy, kế hoạch HDTN tại các trường trong địa bàn nghiên cứu đã được xây dựng với những biện pháp quản lý cụ thể, chi tiết và có khả năng thực hiện được.

Song song với việc phối hợp các nguồn lực của nhà trường khi xây dựng kế hoạch HDTN cho HS, “Hướng dẫn GV xây dựng kế hoạch HDTN theo chương trình quy định” và “Hướng dẫn Tổ chuyên môn lập kế hoạch HDTN” hoàn toàn thường xuyên được CBQL thực hiện với ĐTB=4,27, ĐLC=0,52. Cả 02 hoạt động này đều được CBQL đánh giá được thực hiện ở mức tốt với ĐTB lần lượt là 4,42 (ĐLC=0,50) và 4,39 (ĐLC=0,49). Kết quả trên cho thấy, việc hướng dẫn tổ chuyên môn và GV được CBQL triển khai một cách đồng bộ. Như vậy, công tác triển khai HDTN cho HS đảm bảo tính nhất quán về quan điểm, định hướng từ khái quát đến chi tiết khi thực hiện.

Cuối cùng, “Triển khai các kế hoạch kịp thời” được CBQL đánh giá (ĐTB=4,27, ĐLC=0,57) tương ứng mức hoàn toàn thường xuyên; Kết quả thực hiện yếu tố này được đánh giá ĐTB=4,42, ĐLC=0,47 tương ứng với mức tốt. Như vậy, sau khi kế hoạch được phê duyệt, việc triển khai kế hoạch tại các trường diễn ra một cách nhanh chóng, kịp thời đảm bảo tiến độ thực hiện các HDTN trong năm học. Một CBQL chia sẻ: *“Việc triển khai kế hoạch tại trường tôi được thực hiện một cách nhanh chóng, kịp thời. Các kế hoạch được triển khai trong họp chuyên môn, được hướng dẫn thực hiện và nêu rõ thời gian, phân công cụ thể.”*

Nhìn chung, việc thực hiện kế hoạch HDTN cho HSTH các trường được CBQL thực hiện ở mức độ hoàn toàn thường xuyên và được đánh giá kết quả thực hiện ở mức tốt.

- *Tổ chức thực hiện HDTN cho HSTH (bảng 2):*

Bảng 2. Tổ chức thực hiện quản lí HDTN cho HSTH

Nội dung	N	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Thành lập ban chỉ đạo triển khai HDTN của trường, do 01 thành viên Ban giám hiệu phụ trách	33	3,97	0,53	4,33	0,48
Giao quyền và phát huy vai trò Tổ chuyên môn trong tổ chức thực hiện kế hoạch HDTN	33	4,21	0,55	4,36	0,55
Phân công rõ trách nhiệm, quyền hạn cho các cá nhân có liên quan một cách cụ thể	33	4,15	0,44	4,39	0,49
Thống nhất cơ chế phối hợp với các lực lượng giáo dục khác trong tổ chức HDTN phù hợp	33	4,12	0,48	4,30	0,58
Phối hợp tốt với tổ chức Đoàn, Đội và các tổ chức chính trị khác	33	4,24	0,44	4,36	0,55
Phát huy vai trò tham gia của ban đại diện phụ huynh HS trong tổ chức hoạt động	33	4,00	0,61	4,27	0,62
Huy động được các lực lượng khác trong xã hội cùng tham gia	33	3,91	0,68	4,24	0,66
Tổ chức bồi dưỡng nâng cao nhận thức và năng lực thực hiện cho các lực lượng khác	33	3,91	0,63	4,27	0,63
Tổ chức bồi dưỡng về công tác quản lí dạy học theo phương thức trải nghiệm	33	3,97	0,53	4,33	0,59
Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực thực hiện HDTN cho GV	33	4,09	0,38	4,39	0,55
ĐTB chung	33	4,06	0,44	4,33	0,53

Kết quả 2 cho thấy, CBQL đánh giá mức độ tổ chức thực hiện HDTN cho HSTH tại các trường mức độ thực hiện thường xuyên với số điểm 4,06 và kết quả thực hiện tốt với số điểm 4,33.

Trong công tác tổ chức HDTN cho HS, việc “Phối hợp tốt với tổ chức Đoàn, Đội và các tổ chức chính trị khác” được CBQL đánh giá ĐTB cao nhất với ĐTB=4,24, ĐLC=0,44 tương ứng mức độ hoàn toàn thường xuyên và kết quả thực hiện được CBQL đánh giá kết quả tốt với ĐTB=4,36, ĐLC=0,55. Để thực hiện các HDTN đòi hỏi sự phối hợp của nhiều lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường, trong đó lực lượng giữ vai trò quan trọng là phụ huynh HS.

Nhà trường hoàn toàn thường xuyên giao quyền và phát huy vai trò tổ chuyên môn trong tổ chức thực hiện kế hoạch HDTN (ĐTB=4,21, ĐLC=0,55). Kết quả thực hiện các hoạt động này đều được đánh giá ở mức tốt với ĐTB lần lượt là 4,33 (ĐLC=0,48) và 4,36 (ĐLC=0,55). Kết quả này cho thấy, không chỉ lập kế hoạch mà cả khi triển khai thực hiện, Ban Giám hiệu nhà trường luôn theo sát để hướng dẫn chỉ đạo kịp thời, Tổ chuyên môn và GV giữ vai trò chủ chốt trong việc tổ chức HDTN cho HSTH. Bên cạnh đó, để tổ chức HDTN diễn ra thành công sẽ có những công tác đòi hỏi sự phối hợp của các bên liên quan, vì vậy việc thống nhất cơ chế phối hợp với các lực lượng giáo dục khác trong tổ chức HDTN phù hợp tại các trường diễn ra thường xuyên (ĐTB=4,12, ĐLC=0,48), kết quả thực hiện hoạt động này đánh giá mức tốt (ĐTB=4,30, ĐLC=0,58).

Ngoài ra, các lực lượng bên ngoài trường học cũng được CBQL quan tâm trong việc huy động nguồn lực, thể hiện qua việc các trường thường xuyên huy động được các lực lượng khác trong xã hội cùng tham gia tổ chức HDTN cho HS (ĐTB=3,91, ĐLC=0,68), kết quả thực hiện công tác này được đánh giá tốt với ĐTB=4,24, ĐLC=0,66. Như vậy, nhìn chung mức độ thực hiện và kết quả thực hiện chưa nhất quán. Một CBQL chia sẻ: “Các HDTN của trường thường có sự huy động, phân công các lực lượng bên trong nhà trường cùng tham gia, tuy nhiên các lực lượng xã hội ít được vận động, chỉ mang tính chất thông báo để nắm hoạt động nhà trường là chính. Tuy nhiên, nhờ có sự huy động các lực lượng trong nhà trường như Đoàn, Liên Đội và cha mẹ HS mà các hoạt động diễn ra có hiệu quả nên được đánh giá kết quả thực hiện ở mức độ tốt”.

Song song với việc phối hợp các lực lượng trong công tác tổ chức HDTN cho HS, việc bồi dưỡng kiến thức, kĩ năng cho các lực lượng này cũng được chú trọng. Trong đó, việc tổ chức bồi dưỡng được sắp xếp theo thứ tự tăng dần như sau: Công tác tổ chức bồi dưỡng nâng cao nhận thức và năng lực thực hiện cho các lực lượng khác (ĐTB=3,91, ĐLC=0,63); Công tác nâng cao năng lực thực hiện HDTN cho GV (ĐTB=4,09, ĐLC=0,38), Công tác tổ chức bồi dưỡng về công tác quản lí dạy học theo phương thức trải nghiệm (ĐTB=3,97, ĐLC=0,53). Nhìn vào điểm số cho thấy, CBQL cho rằng công tác bồi dưỡng cho 03 lực lượng chủ chốt trên đều được thực hiện ở mức độ thực hiện thường xuyên và kết quả thực hiện ở mức tốt.

Tóm lại, công tác tổ chức thực hiện HDTN cho HS tại các trường tiểu học trên địa bàn quận diễn ra thường xuyên với kết quả tốt. Điều này cho thấy công tác tổ chức được CBQL các trường quan tâm thực hiện, bám sát nội dung kế hoạch và đạt được mục tiêu đề ra; tuy nhiên công tác phối hợp với lực lượng bên ngoài nhà trường chưa đánh giá cao, các nhà quản lí cần có biện pháp để thúc đẩy việc phối hợp các lực lượng liên quan nhằm nâng cao HDTN cho HS trên địa bàn quận.

- Chỉ đạo HĐTN cho HSTH (bảng 3):

Bảng 3. Chỉ đạo thực hiện quản lí HĐTN cho HSTH

Nội dung	N	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Giao nhiệm vụ cho GV và các lực lượng tham gia tổ chức HĐTN rõ ràng	33	4,19	0,53	4,39	0,56
Chỉ đạo thực hiện các HĐTN theo đúng chương trình quy định	33	4,24	0,50	4,45	0,56
Chỉ đạo GV thực hiện tổ chức HĐTN cho HSTH theo kế hoạch	33	4,18	0,46	4,39	0,56
Chỉ đạo GV bồi dưỡng nhận thức, tuyên truyền đến phụ huynh HS về tầm quan trọng HĐTN	33	4,18	0,46	4,45	0,51
Chỉ đạo trang bị cơ sở vật chất, điều kiện hỗ trợ HĐTN và đảm bảo an toàn cho HS trong quá trình tổ chức	33	4,15	0,44	4,42	0,56
Chỉ đạo kiểm tra, đánh giá và động viên khích lệ kịp thời GV, HS trong các HĐTN	33	4,15	0,57	4,42	0,56
Chỉ đạo GV quan tâm đến mọi đối tượng HS trong quá trình tổ chức các hoạt động	33	4,21	0,55	4,48	0,51
ĐTB chung	33	4,19	0,45	4,43	0,52

Kết quả bảng 3 cho thấy, trong công tác chỉ đạo của CBQL thực hiện HĐTN cho HS tại các trường tiểu học, việc CBQL chỉ đạo thực hiện đúng chương trình quy định được đánh giá ĐTB cao nhất với ĐTB=4,24, ĐLC=0,50, tương ứng mức thực hiện hoàn toàn thường xuyên và kết quả thực hiện công tác này được đánh giá ở mức tốt (ĐTB=4,45, ĐLC=0,56). Tiếp đến, chỉ đạo GV quan tâm đến mọi đối tượng HS trong quá trình tổ chức các hoạt động có ĐTB cao thứ nhì (ĐTB=4,21, ĐLC=0,55) tương ứng mức thực hiện hoàn toàn thường xuyên, kết quả thực hiện công tác này được đánh giá mức tốt (ĐTB=4,48, ĐLC=0,51). Như vậy, ta thấy CBQL đã tuân thủ các quy định của Nhà nước và quan tâm đến tất cả HS trong trường trong quá trình triển khai HĐTN được ưu tiên hàng đầu.

Khi chỉ đạo GV thực hiện tổ chức HĐTN cho HS, CBQL thường xuyên giao nhiệm vụ cho GV và các lực lượng tham gia tổ chức HĐTN rõ ràng (ĐTB=4,19, ĐLC=0,53), kết quả thực hiện hoạt động này ở mức tốt (ĐTB=4,36, ĐLC=0,56). CBQL giao nhiệm vụ cho từng thành viên một cách chi tiết rõ ràng trong các cuộc họp chuyên môn. Chỉ đạo GV thực hiện đúng phân phối chương trình, kế hoạch dạy học đã được phê duyệt. Công tác chỉ đạo trang bị cơ sở vật chất, điều kiện hỗ trợ HĐTN và đảm bảo an toàn cho HS trong quá trình tổ chức và công tác chỉ đạo kiểm tra đánh giá và động viên khích lệ kịp thời GV, HS trong các HĐTN được đánh giá đồng ĐTB=4,15, tương ứng mức độ thực hiện thường xuyên và cả hai công tác này đều được đánh giá thực hiện tốt với ĐTB=4,42, ĐLC=0,56.

Có thể thấy, việc chỉ đạo thực hiện HĐTN cho HS tại các trường tiểu học trên địa bàn Quận 7 được thực hiện thường xuyên với ĐTB=4,19 và kết quả thực hiện ở mức tốt với ĐTB=4,43. Nhìn chung, công tác chỉ đạo được CBQL tại các trường thực hiện đúng nguyên tắc, đúng chủ trương và sâu sát, vì vậy tất cả các nội dung trong công tác chỉ đạo đều được đánh giá tốt.

- Kiểm tra, đánh giá HĐTN cho HSTH (bảng 4):

Bảng 4. Kiểm tra, đánh giá quản lí HĐTN cho HSTH

Nội dung	N	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Xây dựng lực lượng tham gia kiểm tra, đánh giá phù hợp	33	4,12	0,42	4,39	0,49
Thang kiểm tra, đánh giá rõ ràng	33	4,06	0,43	4,39	0,55
Đa dạng hóa hình thức kiểm tra	33	4,06	0,43	4,36	0,55
Đánh giá chính xác, khách quan kết quả HĐTN	33	4,09	0,38	4,39	0,55
Công khai kết quả đánh giá	33	4,12	0,48	4,39	0,55
Cung cấp thông tin kịp thời, có tính xây dựng giúp GV điều chỉnh hoạt động theo yêu cầu	33	4,12	0,48	4,39	0,49
Dùng kết quả đánh giá để xếp loại thi đua	33	3,94	0,61	4,33	0,54
Khuyến khích những nhân tố tích cực	33	4,09	0,58	4,36	0,60
Điều chỉnh những sai lệch, hạn chế	33	4,18	0,53	4,42	0,50
Tổng kết, rút kinh nghiệm sau khi kiểm tra, đánh giá	33	4,15	0,51	4,42	0,50
ĐTB chung	33	4,09	0,41	4,39	0,51

Kết quả bảng 4 cho thấy, CBQL đánh giá mức độ thực hiện kiểm tra, đánh giá quản lí HĐTN với ĐTB=4,09 được xem thực hiện thường xuyên và kết quả thực hiện đánh giá ở mức tốt với ĐTB=4,39. ĐLC của mức độ thực hiện và kết quả thực hiện thấp cho thấy ít sự phân tán trong đánh giá của CBQL các trường. Cụ thể:

Trong công tác thực hiện kiểm tra, đánh giá HĐTN, CBQL thường xuyên xây dựng lực lượng tham gia kiểm tra, đánh giá phù hợp với (ĐTB=4,12, ĐLC=0,42), kết quả thực hiện công tác này được đánh giá mức tốt (ĐTB=4,39, ĐLC=0,49). Trong HĐTN có rất nhiều mục tiêu cần được đánh giá bằng các tiêu chí cụ thể rõ ràng bởi người có chuyên môn, đồng thời có những vấn đề khó hoặc không thể lượng giá bằng thang đo định lượng, vì thế sử dụng đa

dạng hình thức kiểm tra, đánh giá là hết sức cần thiết (ĐTB=4,06; ĐLC=0,43) và kết quả (ĐTB=4,36, ĐLC=0,55) cho thấy ở mức độ đánh giá tốt.

Bên cạnh đó, việc CBQL đánh giá chính xác, khách quan và thang kiểm tra, đánh giá rõ ràng với lần lượt ĐTB là 4,09 và 4,06 ở mức độ thực hiện và kết quả thực hiện 02 công tác này được CBQL đánh giá mức tốt với ĐTB lần lượt là 4,39 (ĐLC=0,55) và 4,36 (ĐLC=0,55) giúp CBQL đánh giá đúng thực trạng tổ chức HĐTN cho HSTH. Qua tìm hiểu thực tế, tác giả nhận thấy công tác này tại các trường có thực hiện nhưng chưa đạt được hiệu quả mong muốn, đa số các trường đánh giá định tính là chính, chưa có thang đánh giá cũng như tiêu chí cụ thể để định lượng. Một CBQL đã nhận định: “*Tại trường, công tác kiểm tra, đánh giá được thực hiện thường xuyên và báo cáo trong các cuộc họp, tuy nhiên trường chưa xây dựng thang tiêu chí cụ thể, trường có nghiên cứu các văn bản chỉ đạo nhưng cũng chung chung chưa có tiêu chí đánh giá GV thực hiện HĐTN như thế nào*”.

CBQL đánh giá công tác “Công khai kết quả đánh giá” và công tác “Cung cấp thông tin kịp thời, có tính xây dựng giúp GV điều chỉnh hoạt động theo yêu cầu” với đồng điểm (ĐTB=4,12, ĐLC=0,48) tương ứng mức độ thường xuyên. Như vậy, sau khi đánh giá HĐTN, kết quả HĐTN được công khai minh bạch, kịp thời, mang tính xây dựng giúp GV nhìn nhận và hoàn thiện công tác triển khai HĐTN cho HS. Kết quả thực hiện công tác này cũng được CBQL đánh giá mức tốt ĐTB=4,39. Việc cung cấp phản hồi sau khi đánh giá HĐTN cho GV, CBQL thường xuyên dùng kết quả đánh giá để xếp loại thi đua (ĐTB=3,94, ĐLC=0,61), hoạt động này được CBQL đánh giá kết quả thực hiện mức tốt với ĐTB=4,33, ĐLC=0,54. Bên cạnh đó, CBQL đánh giá việc thực hiện tổng kết, rút kinh nghiệm sau khi kiểm tra, đánh giá với ĐTB=4,15, ĐLC=0,51 tương ứng mức thực hiện thường xuyên và kết quả hoạt động này được đánh giá mức tốt với ĐTB=4,42, ĐLC=0,50. Cuối cùng, CBQL đánh giá việc dùng kết quả đánh giá để xếp loại thi đua với số điểm thấp nhất là 3,94 và ĐLC cao nhất là 0,61, điều này cho thấy độ phân tán nhiều hơn so với các nội dung công việc trong công tác kiểm tra, đánh giá HĐTN cho HS tiểu học.

Nhìn chung, CBQL đánh giá mức độ thực hiện kiểm tra, đánh giá công tác quản lý HĐTN cho HS các trường tiểu học ở mức độ thường xuyên thực hiện và đồng thời kết quả thực hiện hoạt động này là mức tốt, đây là tín hiệu đáng mừng cho công tác quản lý HĐTN tại các trường trên địa bàn Quận 7. Tuy nhiên, các nhà quản lý cần lưu ý đến nội dung “Thang kiểm tra, đánh giá rõ ràng” và “Dùng kết quả đánh giá để xếp loại thi đua” vì có mức điểm thấp nhất cần được CBQL quan tâm và có giải pháp thực hiện tốt hơn cho hai nội dung này trong thời gian tới khi thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

3. Kết luận

Qua tìm hiểu và phân tích thực trạng quản lý HĐTN cho HSTH tại các trường trên địa bàn Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, có thể thấy CBQL của các trường tiểu học trên địa bàn Quận 7 đã nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác quản lý HĐTN cho HSTH. Công tác quản lý HĐTN của các trường tiểu học được diễn ra thường xuyên và có kết quả tốt, các nhà quản lý đảm bảo các chức năng quản lý từ khâu lập kế hoạch đến khâu kiểm tra, đánh giá HĐTN cho HSTH được đánh giá thực hiện tốt. Bước đầu có thể đánh giá HĐTN cho HS tại các trường tiểu học trên địa bàn Quận 7 đã thực hiện hiệu quả và đạt được mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, một số nội dung của việc lập ban chỉ đạo, thang kiểm tra, đánh giá công tác rút kinh nghiệm và nội dung kết quả để xếp loại thi của một số trường chưa diễn ra đồng đều. Nghiên cứu này sẽ là cơ sở giúp cho CBQL các trường nhận định lại công tác quản lý HĐTN của đơn vị mình, đồng thời giúp các nhà quản lý cấp Phòng GD-ĐT, Sở GD-ĐT đề ra một số biện pháp quản lý HĐTN phù hợp và hiệu quả, thực hiện thành công mục tiêu giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2018). Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể (ban hành kèm theo *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT*).
- Briers, G. E. (2005). Lighting their fires through experiential learning. *Agricultural Education Magazine*, 78(3), 4-5.
- Đinh Thị Kim Thoa (2014). *Hoạt động trải nghiệm sáng tạo - góc nhìn từ lý thuyết “Học tập trải nghiệm”*. Kì yếu Hội thảo Quốc gia “Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông”, Bộ GD-ĐT, 37-44.
- Lewis, L. H. & Williams, C. J. (1994). *Experiential Learning: A New Approach*. Jossey-Bass. In Jackson, L. & Caffarella, R.S. (Eds.). San Francisco, 5-16.
- Nguyễn Tiến Hùng (2020). Quản lý học tập trải nghiệm. *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam*, 27, 10-14.
- Phạm Thị Hà (2020). Thực trạng và giải pháp quản lý hoạt động trải nghiệm ở các trường tiểu học theo định hướng phát triển năng lực. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội*, 41, 186-194.
- Pugsley, K. E., & Laura, H. C. (2003). Traditional lecture or experiential learning: changing student attitudes. *Journal of Nursing Education*, 42(11), 520-523.
- Reitmeier, C. A. (2000). Active learning in the experimental study of food. *Journal of Food Science Education*, 1(3), 41-44.
- Trần Kiểm (2021). *Những vấn đề cơ bản của Khoa học quản lý giáo dục* (Tái bản lần thứ chín). NXB Đại học Sư phạm.